

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁM MỤC PELLERIN NHẪM GIÀNH TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ XIX (1843-1859)

Lee Gyung Jae

Thạc sĩ K26 Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết này khảo cứu về hoạt động của Giám mục Pellerin; làm rõ các hoạt động cụ thể của một giáo sĩ thừa sai Pháp nhằm giành tự do tôn giáo ở Việt Nam cùng với bối cảnh lịch sử tác động đến các hoạt động đó. Những hoạt động nhằm giành tự do tôn giáo của Giám mục Pellerin là minh chứng tiêu biểu cho sự liên kết giữa hai thế lực: thực dân và tôn giáo trong cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần tiếp cận sâu hơn về một sự kiện mà Việt Nam sau đó sẽ phải đối đầu với tư bản Pháp do vấn đề truyền giáo gây ra vào giữa thế kỉ XIX.

Từ khóa: Pellerin, giáo sĩ thừa sai, Công giáo, Pháp, thế kỉ XIX.

1. Mở đầu

Thế kỉ XIX, các cường quốc phương Tây đã đạt được sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế và trình độ văn minh thông qua cuộc cách mạng công nghiệp. Các cường quốc này đã tiến sang phương Đông để buộc các nước kí kết hiệp ước bất bình đẳng hoặc khai thác lãnh thổ dưới hình thái thực dân. Giữa thế kỉ XIX, Việt Nam là quốc gia phải đối đầu và xung đột với Pháp - một trong các cường quốc Tây phương do vấn đề truyền giáo của các giáo sĩ thừa sai Pháp.

Lấy lí do bảo vệ và đáp trả chính sách cấm đạo của vương triều Nguyễn, thực dân Pháp đã tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam từ đầu tháng 9 năm 1858. Trong bối cảnh đó, một giáo sĩ thừa sai Pháp có tên là Pellerin vẫn tích cực hướng đạo để thuyết phục và tìm cách dẫn đường cho chính phủ Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam nhằm giành cái gọi là “tự do tôn giáo”. Những nghiên cứu có liên quan về hoạt động của các giáo sĩ phương Tây nói chung và Giám mục Pellerin nói riêng nhằm “dọn đường” cho việc xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam đã được phản ánh qua một số công trình của Nguyễn Văn Trinh (1994) trong *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, tập III (Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh) [1]; Nguyễn Văn Kiệm (2001) trong *Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX* (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội) [2]; Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập I (Nxb. Tôn giáo, Hà Nội) [3] hay của Nguyễn Mạnh Dũng (2016) trong chuyên khảo *Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX - Nguyên nhân và hệ quả* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội) [4]. Ở Hàn Quốc, nghiên cứu về vấn đề này cũng đã được trình bày trong một số công trình như: Hong Soon Ho (1987), *Thái độ của chính phủ Pháp đối với sự tiến vào Hàn Quốc của các nhà thừa sai hội thừa sai Paris* (tập V, Nghiên cứu Lịch sử Giáo hội) [6]; Jo Gwang (2010), *Xã hội thời hậu kỳ Triều Tiên và Công giáo* (Nxb. Gyunginmoonhwasu, Seoul) [7]; Jo Hyun Beom (2015), *Nhà thừa sai của Triều Tiên, Triều Tiên của Nhà thừa sai* (Nxb. Viện

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/4/2020. Ngày nhận đăng: 10/5/2020.

Tác giả liên hệ: Lee Gyung Jae. Địa chỉ e-mail: subpetra@hanmail.net

Nghiên cứu Lịch sử Giáo hội Hàn Quốc, Seoul) [9]; Kim Yong Gu (2013), *Bán đảo Hàn và chủ nghĩa đế quốc ăn cướp* (Nxb. Won, Incheon) [10]. Các công trình kể trên chưa có điều kiện trình bày cụ thể, chuyên sâu về hoạt động của Giám mục Pellerin trong những năm 50 của thế kỉ XIX. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những nghiên cứu đã có, bài viết này khảo cứu vấn đề cụ thể và hệ thống hơn với việc bổ sung cách tiếp cận và nguồn tư liệu bằng tiếng Hàn Quốc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những yếu tố tác động đến hoạt động nhằm giành tự do tôn giáo của các giáo sĩ phương Tây

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng và liên quan đến tư tưởng và hoạt động của các giáo sĩ thừa sai Pháp hoạt động ở khu vực châu Á nói chung và cá nhân Giám mục Pellerin nói riêng vào giữa thế kỉ XIX. Trong đó có một số yếu tố liên quan trực tiếp đến các hoạt động nhằm giành tự do tôn giáo, đó là “Đông phương học”, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa dân tộc và sự chi phối của tình hình chính trị trong, ngoài nước Pháp v.v..

Đối với những người phương Tây, cuộc cách mạng công nghiệp mang tính cách tân đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế và xã hội của châu Âu, làm cho họ đạt đến nền văn minh tiên bộ, còn bên ngoài phương Tây thì được xem như là nơi lạc hậu, chưa có văn minh. Với cách nhìn đó, những người theo chủ nghĩa đế quốc thậm chí đã coi việc thực dân hóa, văn minh hóa khu vực ngoài phương Tây là một *sứ mạng cao cả* [9; 32-34]. Theo đó, thuật ngữ “sứ mạng văn minh hóa” (mission civilisatrice) là lí luận dùng để “chân chính hóa” chủ nghĩa thực dân được truyền bá rộng khắp châu Âu, trong đó có nước Pháp trong suốt thế kỉ XIX. Như vậy, ý đồ của phương Tây là thông qua “sứ mạng văn minh hóa” để thực hiện khát vọng bành trướng, cũng tự cho là một hành động chân chính, mang tính chính nghĩa về mặt đạo đức [9; 34 - 36, 37].

“Sứ mạng văn minh hóa” đối với các khu vực ngoài phương Tây đã làm ảnh hưởng đến hoạt động truyền giáo hải ngoại của Kitô giáo. Các nhà thừa sai cho rằng có thể văn minh hóa những “người ngoại đạo” thông qua tín ngưỡng của Kitô giáo. Tư tưởng cơ bản của họ là không chấp nhận giá trị của các tôn giáo khác do vững tin tín ngưỡng Kitô giáo trên nền tảng truyền thống của thần học thời trung đại [7; 28]. Theo đó, nhiều nhà thừa sai Kitô giáo người phương Tây đã tiến sang các nước phương Đông với sứ mạng mang tính tôn giáo là cải hoán những “người ngoại đạo” sang Kitô giáo để họ được văn minh. Thực hiện sứ mệnh đó, họ sẵn sàng câu kết với những người theo chủ nghĩa đế quốc, các nhà chính trị, ngoại giao và quân sự để phục vụ cho lợi ích của Kitô giáo.

Vì thế, có thể nói “Đông phương học kết hợp với chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc” là tư tưởng cơ bản mà các nhà thừa sai phương Tây đã thể hiện trong hoạt động của họ nhằm giành tự do tôn giáo ở phương Đông vào thế kỉ XIX. Đông phương học là tư tưởng thể hiện sự tiêu cực góc nhìn về phương Đông trong cấu trúc chủ nghĩa ưu việt phương Tây so với chủ nghĩa thấp kém phương Đông [7; 29]. Edward W. Said thậm chí đã từng định nghĩa Đông phương học là “*phương thức của phương Tây để chi phối, kết cấu lại và áp bức phương Đông*” [8; 18].

Các giáo sĩ thừa sai Pháp, hoạt động ở khu vực châu Á vào giữa thế kỉ XIX có thể bị ảnh hưởng bởi cả tình hình chính trị trong và ngoài nước Pháp. đặc biệt là những sự kiện có liên quan đến các hoạt động của họ nhằm giành tự do tôn giáo có liên quan trực tiếp đến mối quan hệ giữa Chính phủ Pháp và giáo hội Công giáo Pháp.

Vào những năm 50 của của thế kỉ XIX, khi Louis Napoléon nắm quyền thực tế đã quan tâm tới tất cả các tầng lớp xã hội - giáo sĩ Công giáo, người lao động, nông dân và công nhân v.v... nhằm giành được sự ủng hộ của họ. Vì chính sách này có hiệu quả nên Đế Nhị Cộng hòa đã biến thành Đế Nhị Đế chế và Louis Napoléon đã tự xưng là Napoléon III qua cuộc bỏ phiếu vào ngày 2 tháng 12 năm 1852 [6; 37-38].

Cột trụ nền thống trị của Napoléon III là các thế lực bảo thủ, nhất là trong giáo hội Công giáo cùng với một bộ phận nhân dân chịu ảnh hưởng của giáo hội Công giáo. Napoléon III vừa nỗ lực ủng hộ Giáo hoàng ở Rome, vừa công nhận việc giáo hội quản lý giáo dục trong các trường học nhằm nhận được sự ủng hộ của Giáo hội.

Nền chính trị độc tài của Napoléon III đã vừa duy trì mối quan hệ hợp tác với Công giáo, vừa tăng cường quyền lực của bộ máy quan liêu cấp trung ương, áp bức chủ nghĩa cộng hòa và chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục theo đuổi chính sách của Napoléon I bằng cách thường xuyên tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa theo phương thức ngoại giao của chủ nghĩa đế quốc [6; 38].

Mối quan hệ giữa Chính phủ Pháp và giáo hội Công giáo như trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo sĩ thừa sai hoạt động ở hải ngoại và họ đã nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ Pháp trong việc giành tự do tôn giáo ở thế kỉ XIX. Trong khi đó, về phía Chính phủ Pháp, việc hỗ trợ truyền giáo và bảo vệ công giáo không những là truyền thống có từ lâu đời của nước này mà còn xuất phát từ lợi ích của quốc gia. Trong thế kỉ XIX, các thế lực phương Tây ồ ạt tiến sang phương Đông và dùng sức mạnh quân sự ép buộc các nước nhỏ yếu kí kết các hiệp ước bất bình đẳng. Sau thập niên 1850, dưới thời Napoleon III, Pháp bắt đầu bành trướng thế lực ở Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản... [11; 21]. Đứng vào thời điểm nay, chính phủ Pháp đã cho thi hành chính sách bảo vệ tôn giáo ở hải ngoại nên cả việc thực dân hóa lẫn việc kí kết các hiệp ước bất bình đẳng đều có lợi cho việc giành tự do Công giáo. Cũng vì vậy mà các giáo sĩ thừa sai Pháp, lúc đó đang hoạt động ở khu vực châu Á, trong tình hình Công giáo đang bị đàn áp, đã vừa phải chú ý đến hoạt động của Chính phủ Pháp vừa phải suy nghĩ để có hành những động phù hợp với mục tiêu và ý đồ của chính phủ nước mình.

Trong khi đó ở Việt Nam, vào năm 1802, vương triều Nguyễn được thành lập. Vua sáng lập ra vương triều Nguyễn là Gia Long (1802-1819) nhìn chung có thái độ hữu hảo với Công giáo. Gần hai mươi năm sau, khi vua Minh Mạng (1820-1840) lên nắm quyền, triều đình nhà Nguyễn đã thi hành chính sách bế quan tỏa cảng chặt chẽ. Sau khi tả quân Lê Văn Duyệt - người đóng vai trò lớn để Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi Hoàng đế và bảo vệ cho Công giáo qua đời vào năm 1832, vua Minh Mạng bắt đầu đàn áp Công giáo. Ngày 6 tháng 1 năm 1833, Minh Mạng chính thức ra đạo dụ cấm đạo [12; 197-199].

Vua Thiệu Trị kế vị vua Minh Mạng (1841-1847) tiếp tục duy trì lệnh cấm đạo của vua cha, nhưng trước áp lực của phương Tây, đứng đầu là Pháp, nên trong thời gian ở ngôi, Thiệu Trị đã không ra lệnh lùng bắt giáo dân và xử tử họ. Đặc biệt, khi trào lưu các thế lực phương Tây đánh chiếm phương Đông trở nên mạnh mẽ hơn bởi Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất (năm 1839), người phương Tây đã yêu cầu triều đình Nguyễn thiết lập quan hệ thương mại và ban ân xá cho các nhà thừa sai đang bị giam giữ.

Năm 1843, sau khi Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất kết thúc (năm 1842), tàu Erigone do Trung tá hải quân Cécille chỉ huy, đã xuất hiện ở Đà Nẵng. Ông ta tìm cách giao thiệp với triều đình Huế nhưng thất bại [1; 502]. Trung tá Cécille trở về Pháp, xin mở cuộc viễn chinh để đòi Việt Nam thiết lập quan hệ thương mại và tự do tôn giáo.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 1843, hạm trưởng Lévêque của tàu chiến Pháp Héroïne (Héroïne) ghé Touran, đổ bộ lên cảng Đà Nẵng, yêu cầu phóng thích 5 nhà thừa sai đang bị giam giữ ở Huế. Nhờ đó các nhà thừa sai đều đã được thả tự do, nhưng yêu cầu về giao thương thì không được chấp thuận.

Tháng 1 năm 1844, thuyền trưởng John Percival lại cho quân đổ bộ vào Đà Nẵng, bắt các quan lại địa phương ở đó và yêu cầu phóng thích Giám mục Lefebvre nhưng không thành công. Phải đến năm 1845, Giám mục Lefebvre mới được phóng thích trước yêu cầu của hạm đội hải quân Pháp. Sau này, Giám mục Lefebvre lại bị bắt, nhưng vào năm 1846, ông lại được phóng thích và được chuyển về Singapo.

Vào năm 1847, Đại tá hải quân Augustin Lapierre, chỉ huy một phân hạm tại căn cứ hải quân Trung Quốc - Ấn Độ của Pháp, và Rigault de Genouilly thống lĩnh hai chiếc tàu chiến, đổ bộ vào cảng Đà Nẵng, đánh đắm hạm đội Việt Nam, yêu cầu vua Thiệu Trị đảm bảo an ninh cho các nhà thừa sai và quyền được tự do tôn giáo. Lúc đầu, vua Thiệu Trị đã phớt lờ các nhà thừa sai để tránh những xung đột không cần thiết có thể xảy ra, nhưng do sự kiện này mà ông đã thay đổi thái độ, 2 lần liên tiếp ra chỉ dụ cấm đạo [13; 274-275].

Những sự đe dọa của các cường quốc phương Tây khiến triều đình nhà Nguyễn nhận thức rõ hơn về tính nguy hiểm của Công giáo nhất là các nhà thừa sai. Trên thực tế, thời điểm đó Pháp đang có kế hoạch tiến hành cuộc viễn chinh đến Nam Kỳ và Triều Tiên.

Ngày 21 tháng 8 năm 1852, Alphonse de Bourboulon, Công sứ Pháp ở Thượng Hải, đã gửi cho bộ ngoại giao Pháp bức thư yêu cầu có hành động cứng rắn hơn đối với Việt Nam và Triều Tiên vì các chính phủ này đang đàn áp Công giáo [10; 42-43]. Vào ngày 23 tháng 9 cùng năm, Công sứ Bourboulon lại gửi cho bộ ngoại giao Pháp thư yêu cầu sử dụng vũ lực đối với Việt Nam và Triều Tiên, trong thư có nội dung yêu cầu phái đặc sứ toàn quyền với sự hộ tống bởi lực lượng hải quân đi Nam Kỳ để kí kết hiệp ước với Việt Nam về tự do tôn giáo và thương mại. Bộ Ngoại giao - Hải quân và bộ thuộc địa Pháp đã đồng ý về nguyên tắc với các yêu cầu đó. Ngày 22 tháng 10 năm 1852, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp Drouyn de Lhuys đã chỉ thị cho Bourboulon thu thập thông tin liên quan đến phương pháp tổ chức viễn chinh Nam Kỳ. Nhưng sau đó, vì Chính phủ Pháp gặp phải nhiều vấn đề khẩn cấp trong và ngoài nước trong đó có Chiến tranh Krym (1853 - 1856) nên phải tạm hoãn việc tổ chức viễn chinh Nam Kỳ [1; 493-494].

Trong xu thế các nước phương Tây đang ráo riết tìm cách xâm lược các nước phương Đông như vậy thì vào năm 1847, khi vua Tự Đức lên ngôi, các nhà thừa sai đã lạc quan và hi vọng tình trạng Công giáo đang phải đối mặt với những thử thách nguy hiểm sẽ được cải thiện.

2.2. Một số hoạt động của Giám mục Pellerin nhằm giành tự do tôn giáo

2.2.1. Hoạt động khi phái bộ Montigny thăm Việt Nam

Khi vua Tự Đức mới lên ngôi, Giám mục Pellerin mong muốn tình trạng Công giáo bị đàn áp sẽ được cải thiện [4; 144]. Thế nhưng, vào năm 1847, khi xảy ra cuộc tranh chấp giữa vua Tự Đức với anh cả là hoàng tử Hồng Bảo thì vua Tự Đức và triều đình Huế đã có sự nghi ngờ các nhà thừa sai Pháp và các giáo dân là những người đứng đằng sau Hồng Bảo. Trên thực tế, các giáo sĩ thừa sai Pháp vẫn đặt hy vọng vào vua Tự Đức và cố gắng để tránh bị lôi cuốn vào các vấn đề mang tính chính trị liên quan đến hoàng tử Hồng Bảo. Giám mục Pellerin cũng không muốn các giáo dân can dự vào vấn đề này [4; 148]. Như vậy, vào lúc ban đầu khi tới hoạt động ở Việt Nam, Giám mục Pellerin có thái độ rất thận trọng đối với việc can dự vào các vấn đề chính trị của triều Nguyễn.

Tuy nhiên, kể từ khi phái bộ Montigny (Charles de Montigny) đến Việt Nam (năm 1856 - 1857) thì thái độ của Giám mục Pellerin đã thay đổi. Với chuyến đi Montigny, Giám mục Penlerin đã có thêm hi vọng về tự do tôn giáo song song với khả năng Pháp can thiệp vào Việt Nam.

Vào giữa thế kỉ XIX, dưới sự thống trị của Napoléon III, Pháp tiến hành chính sách bành trướng ở hải ngoại và đang tìm cơ để xâm lược cả châu Á. Tháng 12 năm 1855, Pháp đã trao vai trò đặc sứ toàn quyền cho Montigny - Tổng Lãnh sự Pháp ở Thượng Hải, rồi cử phái bộ với đại diện là ông ta đi Thái Lan, Campuchia, Việt Nam. Montigny giao cho Linh mục Fontaine - một giáo sĩ thừa sai đã hoạt động lâu năm ở Việt Nam nhiệm vụ mang thư tới triều đình Huế, còn đích thân Montigny đi Campuchia và Thái Lan. Trong bức thư gửi triều đình Huế có nội dung Pháp muốn đàm phán với Việt Nam [4; 156-157].

Ngày 16 tháng 9 năm 1856, tàu Catinat của phái bộ Montigny cùng với Linh mục Fontaine đã đến Đà Nẵng. Thư của Montigny gửi triều đình Huế đã bị phía Việt Nam từ chối. Phía Pháp có cảm giác bị sỉ nhục do cách hành xử của Việt Nam đối với phái bộ đặc sứ toàn quyền của

hoàng đế Pháp nên đã bắn phá các pháo đài phòng thủ ở Đà Nẵng vào ngày 25 và ngày 26 tháng 9 năm 1856 [4; 157-158].

Khi tàu Catinat của phái bộ Montigny tới Đà Nẵng (16/9/1856), Giám mục Pellerin đã bí mật tìm cách liên lạc với người Pháp [12; 157]. Hai tháng sau, khi tàu Capricieuse của phái bộ Montigny đến Đà Nẵng vào khoảng giữa tháng 11 năm 1856, ông này đã âm thầm tiếp xúc với phía Pháp trên tàu Capricieuse [1; 448].

Cuối cùng, vào ngày 23 tháng 1 năm 1857, đặc sứ Montigny đã tới Đà Nẵng, bắt đầu đàm phán với phía Việt Nam. Giám mục Pellerin đã có mặt bên phía Pháp và hợp tác với phía Pháp trong vai trò là thông dịch viên. Đại diện hai nước Việt, Pháp đã nhiều lần bàn bạc trong suốt 15 ngày về các vấn đề như: thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ giao thương; chủ trương thành lập Lãnh sự quán Pháp ở Việt Nam và vấn đề tự do tôn giáo...nhưng cuối cùng vẫn không đi đến kết quả [15; 324]. Ngày 6 tháng 2 năm 1857, Montigny gửi thư cho triều đình Huế với nội dung đe dọa, rồi ngày 7 tháng 2, ông ta rời khỏi Đà Nẵng [4; 159-161].

Sau khi cuộc đàm phán thất bại, Giám mục Pellerin đi Hồng Kông theo phái bộ Montigny. Ở đây, ông nhận được thư của Giám mục Retord cho biết sau khi phái bộ Montigny thăm Việt Nam, cuộc đàn áp đạo Công giáo càng trở nên gay gắt [9; 498]. Nhận thấy tình hình khó có thể trở lại Việt Nam, thêm nữa lại có nhiều người khuyên Pellerin nên trở về Pháp để trình bày với hoàng đế nước Pháp Napoléon III về tình cảnh cấm đạo ở Việt Nam nên cuối cùng, Giám mục Pellerin đã quyết định quay trở lại Pháp [1; 498].

2.2.2. Hoạt động khi quay trở về Pháp

Cuối những năm 50 của thế kỉ XIX, chính phủ Pháp đang tìm cơ để xâm lược Việt Nam. Ngoài việc cử phái bộ Montigny đi Việt Nam đàm phán, ngày 22 tháng 4 năm 1857, Pháp thành lập Ủy ban Nam Kỳ (Commission de la Cochinchine) với nhiệm vụ nghiên cứu, vạch rõ kế sách xâm lược. Ủy ban này đã có 7 phiên họp, từ ngày 28 tháng 4 đến ngày 18 tháng 5 năm 1857 tại Bộ Ngoại giao để bàn về vấn đề Việt Nam [1; 496].

Giám mục Pellerin, sau khi quay trở về Pháp, đã được mời tham gia Ủy ban Nam Kỳ và cùng với Linh mục Cameison (người đã hoạt động ở Việt Nam từ năm 1840 đến năm 1846). Ủy ban Nam Kỳ đã tổ chức phiên họp ngày 16 tháng 5 năm 1857 với sự tham gia của Giám mục Pellerin cùng với nam tước Brenier, Chủ tịch Ủy ban; ông Pierre Cintrat, đại diện Bộ Ngoại giao; ông Fleury, đại diện của Bộ Thương mại; chuẩn Đô đốc Fourichon; Đại tá hải quân Jaurès và thư kí là ông de Mofras [15; 101-102].

Tại phiên họp này, Giám mục Pellerin khẳng định việc kí kết một bản hiệp ước với Việt Nam sẽ bảo đảm quyền lợi cho nước Pháp. Ông còn bày tỏ ý kiến rằng việc xâm chiếm hoặc bảo hộ xứ ấy là điều nước Pháp nên làm [15; 102-103]. Pellerin cho rằng, ngoài những quyền mà nước Pháp có được do bản hiệp ước Versailles (1787) đem lại, việc cần thiết phải đòi Việt Nam đền bù cho việc họ đã không thi hành các điều khoản trong bản hiệp ước; sát hại các giáo sĩ thừa sai và những người theo đạo Thiên chúa; gây thiệt hại cho phái bộ Montigny v.v..

Giám mục Pellerin cũng bày tỏ ý kiến cho rằng sự bảo hộ thống trị qua nhà vua Việt Nam sẽ là thích hợp. Đặc biệt là ông chủ trương ngay khi tới Việt Nam, Pháp sẽ phải bắt lấy nhà vua. Ông còn nói thêm, khi tiến đánh Việt Nam, quân Pháp chắc chắn sẽ nhận được sự giúp đỡ tích cực của các tín hữu và các thầy giảng do các thừa sai đào tạo [15; 103-105].

Ngoài ra, Giám mục Pellerin còn cho biết một số chi tiết về vấn đề thương mại. Ông giải thích rằng do khí hậu ở Việt Nam hiền hòa, đất đai màu mỡ, có nhiều sông và kênh đào nên nguồn lương thực nhiều, đa dạng và có chất lượng tốt. Ông nhấn mạnh đó là những lý do để chiếm Việt Nam và giải thích thêm về lợi ích của việc xuất cảng và nhập cảng các sản phẩm [15; 106-107].

Vào cuối phiên họp này, Chủ tịch Ủy ban Nam Kỳ của Pháp bày tỏ rằng đã tìm ra duyên cớ

để xâm lược Việt Nam, thông qua qua việc phái bộ Montigny bị thất bại trong cuộc đàm phán. Ông ta cũng khẳng định rằng cuộc viễn chinh đánh chiếm Việt Nam phải là một công cuộc vừa có tính chất chính trị vừa có tính chất tôn giáo, trong đó có thể viện lí do đòi bồi thường cho các thừa sai Pháp và những giáo dân đang bị bức hại và giết hại [15; 109-110].

Như vậy, Ủy ban Nam Kỳ muốn lấy cả vấn đề tự do công giáo lẫn sự kiện phái bộ Montigny thất bại trong cuộc đàm phán làm cơ sở xâm lược Việt Nam.

Cũng tại phiên họp này, Ủy ban Nam Kỳ đã tán thành việc đánh chiếm Việt Nam để thiết lập chế độ bảo hộ. Tại phiên bế mạc, Ủy ban này đã đưa ra kết luận: Vì quyền lợi tôn giáo, chính trị và thương mại, việc Pháp chiếm đóng Việt Nam sẽ là thích đáng (!).

Vào ngày 21 tháng 5 năm 1857, mấy ngày sau khi phiên họp kết thúc, Giám mục Pellerin gửi tới hoàng đế Napoléon III một bản ghi nhớ cung cấp một số thông tin về chính trị, kinh tế và xã hội của Việt Nam để xin được sự can thiệp của nước Pháp. Qua văn bản đó, Giám mục Pellerin cho rằng khi Pháp xâm lược Việt Nam, những khu vực mà Pháp chi phối càng rộng thì lợi ích càng nhiều, và xin Napoléon III lưu ý rằng cần phải thay thế vương triều chuyên chế hiện tại ở Việt Nam bằng một dòng họ khác có khả năng hòa hợp với Pháp [4; 195-196].

Ngày 29 tháng 5 năm 1857, Giám mục Pellerin trao cho Nam tước Brenier một văn kiện và một lá thư để bỏ vào hồ sơ của Bộ trưởng ngoại giao. Trong tài liệu đó có những đoạn dài được trích từ thư của Giám mục Retord (Giám mục Bắc Kỳ phía Tây) mà Giám mục Pellerin đã nhận được khi còn ở Hồng Kông, và trích trong thư của Giám mục Sohier (kế vị Giám mục Pellerin ở Bắc Đàng Trong) mới nhận được ở Paris [1; 499-500].

Cũng nhờ ở sự giới thiệu của hồng y Bonnechose, giám mục Pellerin đã được trực tiếp yết kiến hoàng đế Napoléon III ở Biarritz. Nhà vua hứa sẽ có hành động hữu hiệu và truyền cho Giám mục Pellerin đệ thẳng lên nhà vua một đơn thỉnh nguyện để nhà vua trao cho Bộ Ngoại giao xem xét [1; 500]. Dưới đây là một đoạn trong đơn thỉnh nguyện của Giám mục Pellerin:

“Paris ngày 30 tháng 8 năm 1857,

Thưa ngài, xin cho phép tôi trình bày với ngài về những tân tòng và các thừa sai người Pháp còn đang sống trong vương quốc An Nam. Hiện tại máu họ đang chảy và hoàn cảnh của họ càng bị dặt hơn nữa từ sau khi cuộc hành quân thăm dò của nước Pháp. Hiện tại, nếu không ai can thiệp, tôi nghĩ rằng Kitô giáo sẽ bị tiêu diệt trong các miền đất này, các miền rất sẵn sàng để đón nhận những ân huệ của Kitô giáo cũng như văn minh.

...Tôi không có trách nhiệm trình bày cho ngài về những lợi ích vật chất và chính trị cho nước Pháp khi chiếm vài hải cảng ở Nam Kỳ, mà Pháp có quyền. Tôi tin rằng việc chiếm đóng này không cần thiết để cứu gỡ những lợi ích của người Công giáo, nhưng tôi vẫn xin ngài đừng bỏ rơi chúng tôi. Những điều ngài làm cho chúng tôi chắc chắn sẽ được Thiên Chúa ban phúc cho ngài và cho triều đại ngài.

Để đem lại cho chúng tôi một chút bình an và tự do, tôi tin rằng các phương tiện sử dụng không gây tổn kém nhiều cho nước Pháp.

F. M. J. Pellerin” [1; 500-501]

Theo nội dung trong đơn thỉnh nguyện trên, Giám mục Pellerin đã phân tích rằng nếu Pháp chiếm được một số hải cảng ở Nam Kỳ thì sẽ nhận được nhiều lợi ích vật chất và chính trị. Nhờ đó việc viễn chinh ở Việt Nam sẽ không gây tổn kém nhiều cho nước Pháp. Ở đây, cái gọi là “vài hải cảng mà Pháp có quyền” theo ngộ nhận của Pellerin có thể suy luận gồm cảng Đà Nẵng và đảo Côn Sơn - những nơi Pháp đã bắt Việt Nam nhượng cho Pháp qua hiệp ước Versailles năm 1787.

2.2.3. Hoạt động trong giai đoạn Pháp xâm lược Việt Nam

Sau một thời gian chuẩn bị, hoàng đế Napoléon III đã chỉ thị Walewski, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao lập quân đội viễn chinh để xâm lược Việt Nam. Do đó, và ngày 16 tháng 7 năm 1857,

Walewski tổ chức cuộc họp các bộ trưởng và quyết định Pháp tiến đánh Việt Nam [16; 71-72].

Tuy nhiên, do chiến tranh Nha phiến lần thứ hai ở Trung Quốc bùng nổ, cuộc viễn chinh Việt Nam bị trì hoãn. Sau khi kí kết hiệp ước Thiên Tân với Trung Quốc vào tháng 6 năm 1858, Pháp phái 13 chiến hạm với 2.500 binh lính dưới sự chỉ huy của Phó Đô đốc Rigault de Genouilly đến Đà Nẵng. Lúc đó, Tây Ban Nha cũng lấy lí do đáp trả về việc giám mục Diaz bị xử tử ở Bắc Kỳ vào năm trước đã phái 450 quân đang đóng ở Manila đến Việt Nam phối hợp hành động với Pháp [13; 276]. Giám mục Pellerin cùng với linh mục Legrand de la Lyraie đã cùng tham gia liên quân Pháp - Tây Ban Nha với tư cách là thông dịch viên.

Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chiếm đóng cảng Đà Nẵng tương đối dễ dàng, không có sự chống trả nào lớn vào hai ngày 1 và ngày 2 tháng 9 năm 1858. Sau đó liên quân Pháp - Tây Ban Nha chờ đợi sự hỗ trợ của đội quân người Việt Nam và các giáo dân Công giáo ở Đà Nẵng. Trước đó, các thừa sai Pháp đã ngầm báo tin cho Phó Đô đốc Rigault de Genouilly - chỉ huy trưởng của hạm đội Pháp biết là sẽ có 10.000 quân người Việt Nam phối hợp với Pháp tấn công. Giám mục Pellerin cũng hứa rằng nhiều giáo dân công giáo sẽ đến để hợp tác với quân đội Pháp. Nhưng trái với lời hứa của các thừa sai, cả quân đội Việt Nam lẫn các giáo dân Công giáo đã không xuất hiện [1; 449].

Trong khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha bị chặn lại ở Đà Nẵng, Giám mục Pellerin chủ trương phải đánh thẳng ngay ra Huế để phế truất vua Tự Đức [4; 197]. Điều đó bộc lộ dã tâm cũng như mong muốn hơn hết của các thừa sai là chấm dứt cuộc đàn áp đối với Công giáo càng sớm càng tốt để giành tự do tôn giáo.

Thế nhưng, vì phần lớn các con sông ở miền Trung đều cạn, các chiến hạm to lớn của châu Âu khó đi qua. Thêm vào đó, do tình hình bệnh dịch vì không hợp thủy thổ, khí hậu đã khiến quân Pháp mất nhiều binh lực, cần phải có thời gian chinh đôn lại lực lượng nên Phó Đô đốc Rigault de Genouilly đã quyết định từ bỏ kế hoạch đánh ra Huế. Tuy vậy, do chiến lược cần chiếm đóng miền Nam là nơi sản xuất lương thực nhằm gây thiệt hại cho triều đình Huế, đồng thời chủ trương chiếm được cứ điểm thuận lợi để có thể tiến vào miền Nam Trung Quốc, nên quân Pháp đã quyết định đánh vào Gia Định [13; 276].

Sau khi biết không có khả năng đánh thẳng ra Huế, Giám mục Pellerin đã nghiêng về lập trường phải đánh Bắc Kỳ. Chủ trương đó chủ yếu là do các thừa sai Tây Ban Nha, được ủng hộ nhiệt liệt bởi bộ chỉ huy quân đội Tây Ban Nha, tham gia cuộc viễn chinh Đà Nẵng đưa ra [12; 199]. Nhưng do sự bất đồng ý kiến giữa Phó Đô đốc Rigault và Giám mục Pellerin, nên hai bên cuối cùng đã không đi đến sự thống nhất về kế hoạch đánh chiếm đã đưa tới chỗ không thể kiềm chế được [4; 201].

Cuối cùng, vào tháng 2 năm 1859, Giám mục Pellerin bỏ hạm đội của Rigault de Genouilly và đi Hồng Kông, sau đó không bao giờ còn có dịp quay lại Việt Nam nữa [1; 451].

Tháng 2 năm 1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh Gia Định. Tiếp đó, đến tháng 3 năm 1862, ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ - Biên Hoà, Bà Rịa và Vĩnh Long - lần lượt bị Pháp chiếm đóng. Sau khi phải đối diện với tình hình trong ngoài đều khó khăn, vương triều Nguyễn đã quyết định trước tiên phải dẹp yên các cuộc nội loạn trong nước và lập phương án đàm phán với Pháp. Sau nhiều lần đàm phán, cuối cùng vào ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình Nguyễn đã kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất, trong đó có nội dung là Việt Nam nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ gồm Biên Hoà, Gia Định Định Tường và đảo Côn Lôn (Côn Đảo) và đảm bảo tự do tôn giáo [13; 277-279].

3. Kết luận

Giám mục Pellerin hoạt động ở Việt Nam vào giữa thế kỉ XIX trong tình hình Công giáo bị đàn áp. Ông vừa chú ý đến hoạt động của chính phủ Pháp vừa suy nghĩ phải hành động như thế

nào đó để chiêu theo các hoạt động của chính phủ nước mình. Việc nước Pháp sẽ kí kết hiệp ước với Việt Nam hoặc xâm lược Việt Nam chính là vấn đề có liên quan trực tiếp tới cái gọi là “tự do tôn giáo”.

Khi Pháp bộc lộ ý đồ xâm lược Việt Nam qua sự kiện phái bộ Montigny thăm Việt Nam, Giám mục Pellerin đã lựa chọn con đường tích cực hợp tác với chính phủ Pháp nhằm nhanh chóng đạt được mục đích là giành tự do tôn giáo. Như vậy, trong bối cảnh Công giáo ở Việt Nam bị đàn áp và trào lưu các thế lực phương Tây ồ ạt xâm chiếm các nước phương Đông, Pellerin muốn lựa chọn con đường nhanh nhất và dễ dàng nhất để giành tự do tôn giáo.

Những việc tiêu biểu mà Giám mục Pellerin đã hợp tác với Chính phủ Pháp có thể kể tới là: vào năm 1857, trong cuộc đàm phán giữa phái bộ Montigny và Việt Nam, ông đã đóng vai trò là thông dịch viên của Pháp. Vào ngày 16 tháng 5 năm 1857, ông đã tham gia tại phiên họp Ủy ban Nam Kỳ và chủ trương vừa hợp thức hóa việc xâm lược Việt Nam vừa cung cấp những thông tin cần thiết về Việt Nam. Ngày 21 và ngày 29 tháng 5 năm 1857, ông cung cấp một số văn thư có những thông tin về Việt Nam. Ngày 30 tháng 8 năm 1857, ông trực tiếp bệ kiến Napoléon III và đệ đơn thỉnh nguyện xin xâm lược Việt Nam. Từ tháng 9 năm 1858 đến tháng 2 năm 1859, ông đã tham gia cuộc viễn chinh xâm lược Việt Nam của liên quân Pháp - Tây Ban Nha với tư cách là thông dịch viên.

Như vậy, Giám mục Pellerin không chỉ là nhân vật nòng cốt trong số những nhà thừa sai Pháp đang hoạt động ở Việt Nam lúc đó chủ trương thúc đẩy chính phủ Pháp đưa ra quyết định xâm lược Việt Nam, mà còn là người trực tiếp bàn bạc với liên quân Pháp - Tây Ban Nha và cùng tham gia cuộc tấn công xâm lược Việt Nam vào giữa thế kỉ XIX.

Điểm nổi bật trong những việc mà Giám mục Pellerin hợp tác với Chính phủ Pháp là “sự nóng vội để giành tự do tôn giáo”. Điều này được bộc lộ từ khi phái bộ Montigny thăm Việt Nam, Pellerin đã đột ngột thay đổi thái độ và rất tích cực hợp tác với Chính phủ Pháp. Thái độ này càng trở nên rõ ràng sau khi Đà Nẵng bị thất thủ, Pellerin đã chủ trương đem quân đánh thẳng ra Huế để phế truất vua Tự Đức và lập vị vua khác có tư tưởng ôn hòa với Pháp. Cũng bởi sự nóng vội như vậy, Giám mục Pellerin gây bất hòa với Phó Đô đốc Rigault de Genouilly và phải trở về Hồng Kông.

Từ hành động tích cực ủng hộ Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam nhằm giành tự do tôn giáo, Giám mục Pellerin đã bộc lộ rõ ràng tư tưởng của một nhà thực dân và của chủ nghĩa thực dân giữa thế kỉ XIX. Lấy cớ bảo vệ Công giáo ở Việt Nam và thúc đẩy chính phủ Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam, Giám mục Pellerin đã trở thành nhân vật tiêu biểu cho sự liên kết giữa hai thế lực: thực dân và tôn giáo trong cuộc xâm lược thuộc địa của thực dân Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Trinh, 1994. *Giáo hội Công giáo Việt Nam*. tập III. Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Văn Kiệm, 2001. *Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX*. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Phan Quang, 2002. *Việt Nam thế kỉ XIX (1802-1884)*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Trương Bá Cẩn, 2008. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*. tập II. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Mạnh Dũng, 2016. *Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX - Nguyên nhân và hệ quả*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Hong Soon Ho, 1987. *Thái độ của chính phủ Pháp đối với sự tiến vào Hàn Quốc của các nhà thừa sai hội thừa sai Paris*. Nghiên cứu Lịch sử Giáo hội, tập V (홍순호, 1987. *파리외방전교회 선교사들의 한국진출에 대한 프랑스 정부의 태도*. 교회사연구, 5집).

- [7] Jo Gwang, 2010. *Xã hội thời hậu kỳ Triều Tiên và Công giáo*. Nxb. Gyunginmoonhwas, Seoul (조광, 2010. *조선후기 사회와 천주교*. 경인문화사, 서울).
- [8] Edward W. Said, 2013. *Orientalism* (bản dịch). Nxb. Kyobomoongo, Seoul (에드워드 W. 사이드, 박홍규 옮김, 2013. *오리엔탈리즘*. (주)교보문고, 서울).
- [9] Jo Hyun Beom, 2015. *Nhà thừa sai của Triều Tiên, Triều Tiên của Nhà thừa sai*. Nxb. Viện nghiên cứu lịch sử Giáo hội Hàn Quốc, Seoul (조현범, 2015. *조선의 선교사, 선교사의 조선*. 한국교회사연구소, 서울).
- [10] Kim Yong Gu, 2013. *Bán đảo Hàn và chủ nghĩa đế quốc ăn cướp*. Nxb. Won, Incheon (김용구, 2013. *약탈 제국주의와 한반도*. 원, 인천).
- [11] Lee Won Soon, 2006. *Một suy nghĩ về lịch sử 100 năm mối quan hệ giữa Triều Tiên và Pháp – liên quan đến Giáo hội Hàn Quốc*, Nghiên cứu Lịch sử Giáo hội, số 27 (이원순, 2006. *조불관계 100년사 일고 – 한국교회사와 연관하여*, 교회사연구, 27호).
- [12] Nguyễn Nghị, 2010 (bản dịch). *Sự tóm tắt lịch sử Công giáo Việt Nam và tình hình truyền giáo*, Nghiên cứu Lịch sử Giáo hội, số 34 (응우옌 응이, 2010. *베트남 천주교 역사 개략과 선교 상황*, 교회사연구, 34호).
- [13] Yoo In Sun, 2016. *Lịch sử Việt Nam viết mới*. Nxb. Yisan, Seoul (유인선, 2016. *새로 쓴 베트남의 역사*. 이산, 서울).
- [14] Song Jung Nam, 2014. *Việc đọc lịch sử Việt Nam*. Nxb. HUEBOOKS, Seoul (송정남, 2014. *베트남 역사 읽기*. 한국외국어대학교 출판부, 서울).
- [15] Tuck, Patrick J.N., 1987 (bản dịch). *Thừa sai Công giáo Pháp và các chính sách của đế quốc tại Việt Nam 1857-1914*. Nxb. Liverpool University Press, Liverpool.
- [16] Yoshiharu Tsuboi, 1998 (bản dịch). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

A study on the “The activities of bishop Pellerin to gain religious freedom in Vietnam and France in the middle of the 19th century (1843-1859)”

Lee Gyung Jae

MA, Course No.26, Faculty of History, Hanoi National University of Education

This author studies the activities of bishop Pellerin to gain religious freedom in Vietnam and France in the middle of the 19th century (1843-1859). The purpose of this study is to clarify the activities of bishop Pellerin, a French clergy missionary, to gain religious freedom in Vietnam and France and the historical background - the purpose and the effects of his activities. Activities of bishop Pellerin gaining religious freedom are representative proves of collusion between the two forces: colonialism and religion in the war that France of colonialism had invaded Vietnam. The result of this study will contribute to help us to understand deeply the event that Vietnam had conflicted with France due to the problems of missions in the middle of the 19th century.

Keywords: Pellerin, clergy missionary; Catholic, France, 19th century.